TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NT** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 17/9/2018
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Mộng Lành**
Bà **Nguyễn Thị Lý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:Bà **Lê Ánh Dương –** Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2018 về việc "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2018,giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1985.
Nơi ĐKHKTT: 18/27 N, P, NT.
Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, NT, Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng L**, sinh năm 1981.
Nơi ĐKHKTT: 18/27 N, P, NT.
Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, NT, Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 08/02/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng L tự nguyện kết hôn năm 2007 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, không hiểu nhau, không hợp tính tình dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả nhau. Ông L không quan tâm gì đến bà, không chia sẽ với bà những vui buồn trong cuộc sống, mặc dù vẫn còn sống chung một nhà nhưng bà cảm thấy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có hạnh phúc. Vì vậy bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Trọng L để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn Như Quỳnh N, sinh ngày 14/8/2012. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố NT đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Trọng L được biết, và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành niêm yết, tống Đ hợp lệ Nếu lần nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

**** Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Yêu cầu của bà Huỳnh Thị P xin ly hôn với ông Nguyễn Trọng L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà P được ly hôn với ông L.

- *Về con chung:*Bà P yêu cầu được 02 con chung là Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn Như Quỳnh N, sinh ngày 14/8/2012; đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với bà P, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Nguyễn Trọng Đ và Nguyễn Như Quỳnh N cho đến tuổi trưởng thành. Bà P không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Bà Huỳnh Thị P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Bà Huỳnh Thị P phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trọng L đã được Tòa án tiến hành niêm yết, tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Trọng L vì đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Tòa xét: Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị P và ông Nguyễn Trọng L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2007 ngày 20/8/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do không cùng quan điểm, không hiểu nhau, không hợp tính tình dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả nhau. Bà P cho rằng ông L không quan tâm gì đến bà, không chia sẽ với bà những vui buồn trong cuộc sống, mặc dù vẫn còn sống chung một nhà nên bà cảm thấy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc.Mặc khác, trong quá trình

Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã Nều lần tống Đ, niêm yết hợp lệcác văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông L đã bỏ mặc không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, đến mối quan hệ vợ chồng với bà P, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà P là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị P.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Trọng L và bà Huỳnh Thị P có 02 con chung là Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn Như Quỳnh N, sinh ngày 14/8/2012. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và cháu Nguyễn Trọng Đ cũng có nguyện vọng được ở với bà P. Mặc khác, do ông L không đến Tòa để trình bày nguyện vọng về con chung nên Tòa không có cơ sở để xem xét giao con chung cho ông L. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung cho đến tuổi trưởng thành của bà P là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.Bà P không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Huỳnh Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Trọng L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn Như Quỳnh N, sinh ngày 14/8/2012 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà P không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị P phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008488 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Bà Huỳnh Thị P đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. NT;
- THADS Tp. NT;
- UBND xã V, huyện N,tỉnh Thanh Hóa (ĐKKH 2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy